

Số: /BC-UBND

Bản Lang, ngày 19 tháng 9 năm 2014

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
XÃ BẢN LANG, HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

I- GIỚI THIỆU CHUNG VỀ XÃ

Bản lang là một xã biên giới của tỉnh Lai Châu, có 2,888 km đường biên giới tiếp giáp với huyện Kim Bình, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc; có tổng diện tích tự nhiên 10.394,67 ha, địa hình phức tạp phần đa là đồi núi dốc, núi đá chiếm 354,28ha; có 5 dân tộc anh em cùng sinh sống phân bố trên 14 bản, với tổng số: 1.444 hộ và 7.245 nhân khẩu. Trong đó dân tộc Thái chiếm 24,4%; Dao chiếm 62,2%; Giáy chiếm 9,8%; Mông chiếm 1,65%; Kinh chiếm 1,18%.

Xã nằm trong vùng có điều kiện khí hậu khắc nghiệt, mùa nắng nóng thường kéo dài dẫn đến tình trạng thiếu nước phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất. Mùa mưa thường xuyên xảy ra lũ lớn gây sạt lở đường xá, nương máng, vùi lấp đồng ruộng, cả nhà cửa và người cũng bị thiệt hại.

Trình độ dân trí của xã còn thấp, tỷ lệ hộ đói nghèo còn cao, kinh tế chuyển đổi chậm, sản xuất chủ yếu là nông nghiệp, việc áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất và các mô hình sản xuất điển hình chưa được nhân rộng, chưa tạo ra sản phẩm mang tính chất hàng hóa cao, vẫn mang nặng tự cung, tự cấp là chính; nhiều hộ dân còn mang nặng tính trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước chưa cố gắng vươn lên thoát nghèo do đó xã thuộc diện xã nghèo theo chương trình 135 của Chính phủ.

II-KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI A-THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Đặc điểm địa lý: Bản Lang là xã nằm ở phía Đông Bắc của huyện Phong Thổ, phía Bắc, Đông Bắc giáp xã Đào San, phía Đông, Đông Nam giáp xã Nậm Xe và Trung Quốc, phía Tây giáp xã Hoang Thèn, phía Nam giáp xã Khổng Lào, Mường So, Phía Bắc Nam có suối Mường So.

2. Tình hình dân số: Toàn xã hiện có 1.431 hộ với 7.136 nhân khẩu. Trong đó:

- Nam giới có 3.768 người, chiếm 52,8%.
- Nữ giới có 3.368 người, chiếm 47,2%.
- Trẻ em dưới 16 tuổi có 538 người (nam 281 người, nữ 257 người), chiếm 0,075%.
- Thanh niên và trung niên (có độ tuổi từ 16-60) có 3.581 người, chiếm 50,2%.
- Người già có 216 người (nam 95 người, nữ 121 người), chiếm 0,03%.
- Người khuyết tật có 33 người (nam 26 người, nữ 7 người).
- Phụ nữ có thai và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi có 382 người.
- Số người trong độ tuổi lao động là 3.581 người, chiếm 50,2% (nam 1.793 người, nữ 1.788 người).

3. Việc sử dụng đất, nước, rừng (tài nguyên thiên nhiên):

Với tổng diện tích tự nhiên là 10.394,67 ha, việc sử dụng đất của xã nhằm phục vụ cho mục đích: đất ở, đất sản xuất nông nghiệp và đất trồng rừng. Cụ thể:

- Đất thổ cư có tổng diện tích: 10,034ha.
- Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực 751ha, gồm: Lúa chiêm 142 ha; Lúa mùa 327ha; Lúa nương 30 ha; Ngô 252/250 ha.
- Tổng diện tích gieo trồng cây công nghiệp ngắn ngày 305ha, gồm: Sắn 60 ha; Lạc 30 ha; Đậu tương 40ha; Chuối 10 ha; Cây trồng khác: 165 ha.
- Tổng diện tích gieo trồng cây công nghiệp dài ngày 155ha, gồm: Cây ăn quả 35/37 ha; Cây Thảo quả 120ha
- Tổng diện tích đất có rừng 5.936,9 ha, gồm: rừng phòng hộ: 4.092,9 ha, rừng sản xuất: 1.844,0 ha.
- Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản: 11,8 ha. Sau thiệt hại mưa lũ ngày 04/9/2013 diện tích nuôi trồng thủy sản đã bị giảm đi 1,3 ha.

4. Các hoạt động sản xuất kinh doanh:

Hoạt động sản, kinh doanh của xã Bản Lang chủ yếu của người dân là xuất nông, lâm nghiệp là chính, bên cạnh đó có một tỷ lệ nhỏ hộ buôn bán, chăn nuôi nhỏ lẻ. Sản lượng đạt: 4.587,35 tấn; Sản lượng bình quân đạt 500 kg/người/năm. Trong đó:

- Cây lương thực:
 - + Lúa chiêm: Năng suất bình quân 47 tạ/ha, sản lượng 667,4 tấn.
 - + Lúa mùa: Năng suất bình quân đạt 45,16 tạ/ ha, sản lượng 1.476,73 tấn.
 - + Lúa nương: Năng suất bình quân đạt 18 tạ/ ha, sản lượng 54 tấn.

+ Ngô: Năng suất bình quân đạt 43,1 tạ/ha, sản lượng 1086,12 tấn.

- Cây công nghiệp:

+ Sắn: Năng suất bình quân đạt: 90 tạ/ha, Sản lượng 540 tấn.

+ Lạc: Năng suất bình quân đạt 9 tạ/ha, sản lượng 27 tấn.

+ Đậu tương: Năng suất bình quân đạt 10 tạ/ha, sản lượng 40 tấn.

- Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc hiện có: 5.562 con. Trong đó: Đàn trâu: 2.321 con; đàn bò: 17 con; đàn dê: 257 con; đàn lợn: 2.967 con.

5. Hạ tầng cơ sở

- Công trình thủy lợi: 8 công trình.

- Cầu: có 08 cầu treo.

- Trường lớp học: có 06 trường, trong đó có 02 trường học kiên cố.

- Trạm y tế: có 01 trạm.

- Đường giao thông gồm: 27km đường đất, 15 km đường bê tông.

- Hệ thống thông tin liên lạc có 01 trạm phát thanh và 01 loa phóng thanh.

- Hệ thống lưới điện gồm: 21km tuyến đường dây 35kV, 0,4kV và 14 trạm biến áp.

6. Nhà ở: Toàn xã hiện có 1.431 ngôi nhà. Trong đó:

- Nhà kiên cố: 61 nhà.

- Nhà tạm, dễ sập: 150 nhà.

- Nhà bán kiên cố: 1.220 nhà.

- Nhà ven suối: 118 nhà.

- Nhà ven núi: 106 nhà.

7. Nước sạch, vệ sinh và môi trường:

- Toàn xã có 15 công trình công trình nước sạch; 115 bể chứa nước; 159 nhà vệ sinh tự hoại; 228 nhà vệ sinh tạm.

- Hiện tại xã chưa có đội thu gom rác thải và chưa có khu xử lý rác thải.

8. Y tế: Trên địa bàn xã hiện có 01 trạm y tế; dịch bệnh đã xảy ra gồm cúm, tiêu chảy.

9. Công tác phòng, chống thiên tai

Xác định rõ công tác PCTT là một trong những công tác trọng tâm hàng đầu trong năm, vì vậy ngay từ đầu năm, xã đã xây dựng kế hoạch PCTT-TKCN với phương châm “ chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục nhanh chóng và hiệu quả ” nhằm giảm tới mức thấp

nhất về người, tài sản, môi trường do thiên tai gây ra và tuyên truyền đến người dân trong xã thông qua các buổi họp bản.

Xã đã thành lập ban chỉ đạo xung kích xã và tại 14/14 bản của xã đã thành lập được đội xung kích của bản.

Sau mỗi lần thiên tai, thực hiện nghiêm việc đánh giá thiệt hại, đánh giá nhu cầu và rút ra bài học kinh nghiệm đồng thời có biện pháp khắc phục, báo cáo kịp thời.

B. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ VỀ THIÊN TAI, TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TÔN THƯƠNG VÀ NĂNG LỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Thông tin đánh giá về thiên tai ở địa phương

* **Nhận xét chung:** Là một xã miền núi nên hàng năm xã Bản Lang luôn phải đối đầu với nhiều loại thiên tai như: lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, giông lốc, rét hại, sét. Tình hình thiên tai trong những năm gần đây diễn biến khá phức tạp. Số lần lũ, lũ quét tăng; rét hại kéo dài hơn; sạt lở đất gia tăng gây ra nhiều thiệt hại về người và tài sản cho nhân dân trong xã.

*** Các thiên tai thường xảy ra trên địa bàn xã:**

- Lũ quét:

+ Xu hướng: xảy ra bất ngờ, thất thường, khó dự đoán, nhiều hơn.

+ Tháng 6/1986, lũ quét xảy ra tại bản: Nà Cúng, Hợp I, Hợp II, Giao Chản làm chết 6 người; Mất 10 con trâu; Sập 7 nhà; Mất 90 tấn thóc; 15 ha diện tích ruộng bị vùi lấp; 5 ha ao nuôi cá bị cuốn trôi; một số vùng bị ô nhiễm môi trường.

+ Tháng 6/1990, lũ quét xảy ra tại bản Nà Vàng, đã gây thiệt hại: sập 1 nhà; 5 ha ruộng lúa bị vùi lấp mất; mất 500 kg cá; chết 2 con trâu.

- Gió lốc

+ Xu hướng: Xảy ra thất thường, khó dự đoán và ngày càng nhiều hơn

+ Tháng 4/2007, xảy ra trên địa bàn toàn xã, gây thiệt hại: 50 nhà tạm bị tốc mái; Hệ thống điện bị hư hỏng do cây đổ vào; 1,3 ha chuối bị đổ

- Sạt lở đất

+ Xu hướng: Xảy ra thường xuyên hơn theo mùa mưa.

+ Tháng 9/2013 xảy ra tại bản Sàng Giang, làm: Chết 2 người; Sập 6 nhà; 30 ha ruộng lúa bị vùi lấp; mất 21 con lợn; 11,2 ha ao cá bị vùi lấp; mất 135 tấn thóc.

+ Tháng 8/2014 xảy ra tại bản Giao Chản, Hợp II làm: 2 nhà bị vùi lấp.

- Rét hại

+ Xu hướng: Kéo dài hơn, nhiệt độ xuống thấp hơn.

+ Từ tháng 12/2007-1/2008 xảy ra trên toàn xã, làm: chết 127 con trâu; 13 ha mạ bị chết.

- Sét

+ Xu hướng: Xảy ra bất thường, nhiều hơn và thường xuyên hơn.

+ Xảy ra vào tháng 4/2006 làm 1 người chết khi đang cày ruộng gần cột điện.

- Mưa đá

+ Xu hướng: Xảy ra bất thường và thời gian kéo dài hơn.

+ Tháng 3/1979 xảy ra trên toàn xã, gây thiệt hại: cây ăn quả mất mùa; cây thảo quả bị chết; Làm hỏng mái nhà; Lúa và hoa màu bị dập nát.

- Hạn hán

+ Xu hướng: Thời gian kéo dài, nhiệt độ tăng cao hơn.

+ Tháng 5-6/2007 xảy ra trên địa bàn toàn xã, làm: Người dân thiếu nước sinh hoạt; 7 ha rừng, 21 ha cây lương thực thiếu nước; Gia súc gia cầm bị dịch bệnh.

(Chi tiết tại Bảng 2.1)

2. Thông tin đánh giá về tình trạng dễ bị tổn thương (TTDBTT)

- Nhận xét chung: với những diễn biến ngày càng phức tạp của thiên tai đã ảnh hưởng trầm trọng đến phần lớn đời sống người dân trong xã, với đặc thù xã miền núi, người dân của xã chủ yếu làm nông, lâm nghiệp thuần túy, không có ngành nghề phụ nên đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, bên cạnh đó do nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân còn hạn chế, điều kiện bố trí nơi ở tại cộng đồng là những nơi nguy cơ cao và cũng do điều kiện kinh tế còn khó khăn nên trên địa bàn xã tình trạng dễ bị tổn thương còn nhiều.

- An toàn công đồng

+ **Vật chất:** 100 hộ gia đình sống ở ke suối, ven đồi (trong đó 40 hộ nhà tạm); 9 Km đường đất đá; 8 cầu treo đã xuống cấp; 21km đường điện, 12 trạm biến áp thuộc hệ thống lưới điện có nguy cơ bị cây đổ và sét đánh làm hư hỏng; 150 hộ gia đình có nhà tạm dễ bị tốc mái; 10ha rừng (mỡ, lát, tre), 1,3ha chuối; 120 ha thảo quả, 12 ha rau, 135 ha mạ vụ đông xuân dễ bị gãy đổ, dập nát; Chưa có trang thiết bị cứu hộ cứu nạn; 10 bản chưa có hệ thống thông tin truyền thanh; 216 người già (93 nam), 538 trẻ em (nam 256 nam), 33 người khuyết tật; 5.562 gia súc, gia cầm bị ảnh hưởng.

+ **Tổ chức xã hội:** Đội ngũ tuyên truyền thiếu đi lại khó khăn trong mùa mưa, cán bộ chưa được tập huấn về PCTT; Sự phối hợp giữa các ban ngành chưa tốt; Chưa thông tin đầy đủ cho người dân

+ **Thái độ, động cơ:** Một số hộ dân còn ỷ lại, chủ quan, nhận thức thấp, chưa chủ động phòng chống thiên tai, chưa biết chuẩn bị nguồn lực; Người dân chưa có kiến thức phòng tránh thiên tai (trú mưa ở gốc cây to, cầm các đồ kim loại khi trời mưa...)

- Sản xuất

+ **Vật chất:** Nhiều diện tích ruộng lúa ao nuôi cá ven suối, bên sườn đồi; Phương tiện sản xuất còn lạc hậu; gia súc, gia cầm thả rông.

+ **Tổ chức xã hội:** Thiếu kinh phí, chưa phát triển được các ngành nghề phụ; chưa có kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

+ **Nhận thức kinh nghiệm, thái độ động cơ:** Người dân còn thiếu kiến thức, ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước

- Sức khỏe, vệ sinh môi trường

+ **Vật chất:** Chưa có bác sỹ, 7% hộ dân chưa có điện, hệ thống nước dẫn trực tiếp chưa qua xử lý; Chưa có nơi thu gom rác thải; 1044 hộ chưa có nhà vệ sinh, 228 hộ có nhà vệ sinh tạm bợ; 73% số hộ chưa có chuồng chăn nuôi gia súc

+ **Tổ chức xã hội:** Ban chăm sóc sức khỏe thiếu chuyên môn, chưa kiểm tra đánh giá được dịch bệnh và sức khỏe công đồng; Còn dịch bệnh thường xuyên xảy ra: Đau mắt, sốt rét, tiêu chảy, cúm; Chưa sử phạt hành chính đối với người vi phạm.

+ **Nhận thức kinh nghiệm, thái độ động cơ:** Người dân thiếu kiến thức, chưa chủ động chăm sóc sức khỏe; Một số người dân còn chủ quan mê tín (cúng thầy mo); Thiếu ý thức vệ sinh môi trường.

(Chi tiết tại Bảng 6.1, cột 3)

3. Thông tin đánh giá về Năng lực phòng chống thiên tai (PCTT)

- Nhận xét chung: Xã đã thành lập Ban chỉ đạo PCLB-GNTT, các bản đã thành lập các đội xung kích; hàng năm đã xây dựng kế hoạch phòng chống giảm nhẹ tác động của thiên tai và tiến hành tuyên truyền đến người dân trong xã.

- An toàn công đồng

+ **Vật chất:** Có 61 nhà kiên cố chiếm 4,2%, 02 nhà văn hóa, 01 Trụ sở UBND, 01 trạm y tế, 02 trường học kiên cố; 4 bản đã có hệ thống loa truyền thanh; 42 km kênh mương, diện

tích đất canh tác 6.310ha, 42km đường giao thông, hệ thống lưới điện đã kéo đến 14 bản của xã; 90% hộ dân có xe máy, 85% hộ có ti vi.

+ **Tổ chức xã hội:** Thành lập ban PCLB xã (30 người, 24 nam, 06 nữ) phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong ban, 14 bản có đội xung kích; Có hướng dẫn để chuyển đổi cây trồng vật nuôi cho phù hợp; Tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, phòng chống thiên tai 14/14 bản; vận động cho các hộ dân sống trong vùng nguy cơ cao di dời đến nơi an toàn.

+ **Nhận thức kinh nghiệm, thái độ động cơ:** Một số người cao tuổi có kinh nghiệm nhận biết các hiện tượng tự nhiên để truyền lại cho con cháu, một số hộ dân đã có ý thức phòng chống thiên tai.

- Sản xuất

+ **Vật chất:** 3.581 người độ tuổi lao động có sức khỏe, 38 nhóm dân có máy cày (15 hộ/01 máy), 27% hộ dân có chuồng chăn nuôi hợp vệ sinh; Kè đá trồng cây xung quanh diện tích ruộng và ao cá 13ha, Chuyển đổi từ trồng lúa sang loại cây trồng khác 19ha, phục hồi lại diện tích ruộng 11ha.

+ **Tổ chức xã hội:** 40% phụ nữ được tham gia tập huấn, chính quyền đã hỗ trợ kinh phí để khôi phục lại diện tích nuôi trồng, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi; vận động người dân tăng cường trồng rừng.

+ **Nhận thức kinh nghiệm, thái độ động cơ:** Một số người dân chưa có ý thức tự vươn lên, còn tư tưởng chông chờ ỷ lại.

- Sức khỏe, VSMT

+ **Vật chất:** Có trạm y tế, có tủ thuốc; 93% hộ dân được sử dụng điện; 159 hộ có nhà vệ sinh; Có hệ thống dẫn nước từ ke suối được về các hộ gia đình; 14/14 bản có y tá bản; Có cán bộ thú y viên.

+ **Tổ chức xã hội:** Chính quyền quan tâm đến việc chăm sóc sức khỏe cho người dân, xã đã thành lập ban chăm sóc sức khỏe có 07 người (06 nam, 01 nữ).

+ **Nhận thức kinh nghiệm, thái độ động cơ:** Người dân có kinh nghiệm trong sử dụng cây thuốc Nam, đa số người dân đã đến trạm y tế để khám chữa bệnh

(Chi tiết tại Bảng 6.1, cột 4)

C. TỔNG HỢP RỦI RO THIÊN TAI VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Tổng hợp Rủi ro thiên tai

Nhận xét: Với các thiên tai thường xuyên xảy ra cùng với tình trạng dễ bị tổn thương trên địa bàn xã người dân đã đưa ra được 10 rủi ro cơ bản và được xếp hạng như sau:

*** An toàn công đồng**

Xếp hạng

- Nguy cơ chết người.....10
- Mất nhà ở, tài sản..... 9
- Hư hại các công trình công cộng.....4

*** Sản xuất**

- Thiếu ăn (30% vào tháng 2-3; 7-8)..... 3
- Mất mùa, giảm năng suất cây trồng..... 1
- Mất diện tích đất sản xuất.....6
- Mất diện tích ao cá..... 7

***Sức khỏe, VSMT**

- Ô nhiễm môi trường sống.....5
- Gia súc, gia cầm bị chết và bị dịch bệnh..... 2
- Dịch bệnh ở người.....8

*** Như vậy các rủi ro thiên tai mà cộng đồng quan tâm nhất là:**

1. Mất mùa, giảm năng suất cây trồng
2. Gia súc, gia cầm bị chết và bị dịch bệnh
3. Thiếu ăn (30% vào tháng 2-3; 7-8)

Lý do: Các rủi ro trên xảy ra thường xuyên, trên diện rộng và ảnh hưởng nhiều đến đời sống người dân trên toàn xã.

(Chi tiết tại Bảng 6.1, cột 5 và bảng 8.1, cột 1, 2)

2. Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai

Từ các rủi ro ưu tiên được xác định, nhóm đánh giá đã sử dụng công cụ phân tích nguyên nhân của rủi ro Mất mùa, giảm năng suất và gia súc, gia cầm bị chết, bị dịch bệnh để tìm ra được các nguyên nhân, từ đó cùng người dân xác định được các giải pháp cơ bản như sau:

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân
- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi giống mới, giống ngắn ngày.
- Xây dựng, nâng cấp hệ thống truyền thanh
- Nâng cấp hệ thống kênh mương.

- Nâng cao năng lực cho người dân về sản xuất và chăn nuôi.
- Hỗ trợ sinh kế tăng thu nhập cho người dân
- Xây dựng hồ chứa nước.

Từ 07 giải pháp trên, nhóm đánh giá đã cùng người dân căn cứ tiêu chí xếp hạng: “**Tính cấp thiết, Tính khả thi, Khả năng huy động nguồn lực thực hiện**”, để thực hiện xếp hạng, chọn ra 04 giải pháp ưu tiên để đưa ra các hoạt động, như sau:

T	Các giải pháp	Địa điểm, đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể thực hiện giải pháp	Tổ chức thực hiện	Thời gian dự kiến	Nguồn ngân sách dự kiến		
						Dân	Chính quyền	Bên ngoài
1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng (PCTT, ý thức VSMT, sản xuất, chăn nuôi)	- Người dân toàn xã - Người nghèo, phụ nữ - 6 bản nguy cơ cao	- Tuyên truyền trực tiếp tại các bản - Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh - Diễn tập vùng nguy cơ cao - Pa nô, khẩu hiệu	- Trưởng bản, cán bộ phụ trách bản - Ban văn hóa xã - Quân sự, Công an, Ban tác chiến các bản - Văn hóa xã	- Thường xuyên - Thường xuyên - 1 năm/1 lần - Trước mùa mưa bão và sắp có thiên tai xảy ra	X	X X	X X
2	Nâng cấp, trang bị hệ thống thông tin cảnh báo,	- Hệ thống của xã - 10 chưa có loa truyền thanh - Cầu: Thèn Thầu, Nà Cúng, Giao Chấn, Nà	- Nâng cấp hệ thống loa truyền thanh của xã - Trang bị 1 bộ loa truyền thanh cho 10 bản	- UBND xã, Văn hóa xã - UBND xã, Văn hóa xã	- Trung hạn - Trung hạn	X	X X	X X

	dự báo tại xã, các bản	Vàng - Đường bản Thèn Thầu đến Sàng Giang + Bản Nà Giang đến Nậm Lùng + Tinh lộ 132 đến Nậm Gia - Khu nhà ở bản Giao Chản, Nà giang, Hợ I, Hợ II	- Xây dựng biển báo nguy cơ nguy hiểm cho cầu, đường giao thông, khu vực nhà ở có nguy cơ cao	- UBND xã, Ban tác chiến	- Dài hạn		X	X
3	Chuyển đổi giống mới, ngắn ngày năng suất cao	Bản: Nậm Lùng, Nà Doong, Bản Pho, Mán Tiễn, Tả Lèng sung	- UBND xã lập kế hoạch cụ thể - Xây dựng mô hình điểm - Tuyên truyền lợi ích cho người dân - Tập huấn kỹ thuật - Triển khai thực hiện	- UBND xã - Khuyến nông, khuyến lâm - Trưởng bản, cán bộ phụ trách bản - Khuyến nông, khuyến lâm - UBND xã, các đoàn thể xã	- Ngắn hạn - Trung hạn - Ngắn hạn - Ngắn hạn - Dài hạn - Trung hạn	X X	X X X X	X X
4	Nâng cấp hệ thống kênh	Kênh ở bản: Hợ I, Hợ II, Giao Chản, Bản Pho,	- Nạo vét, phat dọn toàn tuyến - Sửa chữa nâng	- Tổ thủy lợi, người dân - UBND xã,	- Thường xuyên - Ngắn	X X	X X (300	 X

muong 7/42 Km	Nà Giang	cấp, duy tu, bảo dưỡng 7 Km kênh muong - Tuyên truyền ý thức bảo vệ và có chế tài xử phạt - Giao trách nhiệm cụ thể cho tổ trưởng tổ thủy lợi	tổ thủy lợi, người dân - Ban Thủy lợi, tổ Thủy lợi - UBND xã	hạn - Thường xuyên - Thường xuyên		triệu VNĐ) X X	
------------------	----------	--	---	---	--	---	--

(chi tiết xem tại Bảng 8.1 - cột 5 và Bảng 9.1)

D. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Để thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong thời gian tới cần tập trung những biện pháp sau đây:

*** Chính quyền và nhân dân các thôn, bản.**

- Thường xuyên rà soát lại các đập tràn xuống cấp, các tuyến giao thông có nguy cơ, các vùng nguy cơ sạt lở, lũ quét.

- Tăng cường công tác vận động, tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân, chủ động phòng chống thiên tai.

- Tăng cường công tác vận động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, xây dựng hồ xí hợp vệ sinh, dự trữ nước sạch, thu gom rác thải đúng nơi quy định.

- Chủ động bố trí lịch thời vụ hợp lý để tránh ảnh hưởng của thiên tai.

+Làm chuồng trại đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông, hợp vệ sinh, không thả rông trâu bò, không làm chuồng trại ven suối.

+Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các nhóm, tổ chức PCTT và các hoạt động khác.

*** Cấp xã:**

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Luật phòng chống thiên tai 2013, các văn bản có liên quan và các biện pháp phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

Kiến nghị trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường tỉnh hỗ trợ, sửa chữa, nâng cấp trạm cấp nước công cộng đã bỏ lâu không dùng.

Sử dụng kết quả đánh giá trong việc xây dựng dự án, kế hoạch PCTT và lồng ghép kế hoạch PCTT vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội. Hàng năm thường xuyên đánh giá cập nhật thông tin.

*** Cấp huyện, tỉnh**

Có kế hoạch nâng cấp sửa chữa cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn, thủy lợi để lồng ghép với xây dựng xã theo tiêu chí Nông thôn mới cho người dân được hưởng lợi và an tâm sản xuất./.

**TM. UBND XÃ
CHỦ TỊCH**

Các phụ lục kèm theo báo cáo Đánh giá RRTT-DVCD:

Phụ lục 1. Giới thiệu về mục tiêu và phương pháp đánh giá

Phụ lục 2. Danh sách tham gia đánh giá RRTT-DVCD

Phụ lục 3. Lịch trình đánh giá tại địa phương

Phụ lục 4. Kết quả đánh giá (bảng 2.1; 3.1; 4.1; 5.1; 6.1; 7.1; 8.1; 9.1)